TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 8 - 2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Hải Dương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thu;
2. Bà Nguyễn Thị Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1974. (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn*: Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1971.
Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Thôn Đ, xã P, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-4-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày*:

Bà T và ông Phạm Văn T kết hôn với nhau vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương). Tuy nhiên đến năm 1994, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông T đã tiêu hủy Giấy chứng nhận kết hôn. Sau đó, gia đình bà chuyển vào Vũng Tàu sinh sống và đến năm 1999 thì chuyển đến xã P sinh sống đến nay. Năm 2002, ông T nói đi làm ăn xa nhưng không nói đi đâu, làm gì, từ đó đến nay bà không biết tin tức gì về ông T. Bà T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T mất tích và tại Quyết định 01/2022/QĐDS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông đã tuyên bố ông Phạm Văn T mất tích. Trước khi ông T mất tích thì hai

vợ chồng bà thường xuyên mâu thuẫn, xích mích tình cảm, không hàn gắn được vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Lý T, sinh năm: 1993; Phạm Thị V, sinh năm: 1999 và Phạm Thị Ngọc H, sinh năm: 2002. Hiện tất cả đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung.

** Ông Phạm Văn T đã bị tuyên bố mất tích tại Quyết định 01/2022/QĐDS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.*

Tòa án nhân dân huyện Đam Rông không tiến hành hòa giải được do ông T mất tích và bà T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn T; Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Phạm Văn T là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn là ông T có nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích tại thôn Đ, xã P, huyện Đam Rông. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương) vào năm 1991. Tuy nhiên đến năm 1994, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông T đã tiêu hủy Giấy chứng nhận kết hôn nên không nộp cho Tòa án được, Tòa án đã ủy thác tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương nhưng do sổ đăng ký kết hôn thời điểm đó không còn lưu trữ tại xã không cung cấp được thông tin. Do vậy, căn cứ vào lời khai của bà T, đơn đề nghị xác nhận của bà T nộp thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc đương sự vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã bị tuyên bố mất tích, Tòa án đã tiến hành niêm yết, thông báo, văn bản tố tụng theo quy định nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà T: Bà T xác định trước đây ông bà đã phát sinh mâu thuẫn xích mích tình cảm, không hàn gắn được. Nay ông T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Do vậy, cần căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Lý T, sinh năm: 1993; Phạm Thị V, sinh năm: 1999 và Phạm Thị Ngọc H, sinh năm: 2002. Hiện tất cả đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung, bị đơn đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết, nếu sau này bị đơn trở về và có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

[7] Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006164 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông. Bà T đã nộp đủ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt đã bị tuyên bố mất tích thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- Chi cục THADS huyện Đam Rông;
- UBND xã Phi Liêng, huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Hải Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)